

Số: 1657/QĐ – ĐHTDM

Bình Dương, ngày 14 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học khoá 5,
năm 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ – UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ quyết định số 5402/QĐ – BGDDT ngày 17/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT – BGDDT ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học “Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học” khoá 5, năm 2017 cho 135 học viên (trong đó học 20 tín chỉ có 22 học viên, 15 tín chỉ có 3 học viên, 10 tín chỉ có 110 học viên).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng Phòng Hành chính, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và cá nhân có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, TTGDTX.

HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiến



DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học
Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học Khóa 5, năm 2017 (20 tín chỉ)

(Kèm theo Quyết định số: 1657/QĐ-ĐHTDM, ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&V N	GDH ĐC	TLH ĐC	TLH ĐH	LL DH ĐH	PT CT&T C QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong DH ĐH	Kỹ năng dạy học ĐH	Năng cao chất lượng tự học	TBC	XẾP LOẠI
1	Lê Đình Chiến	3/1/1987	Bình Dương	Nam	7	3	2	1	3	2	2	1	2	3	6.9	Trung bình khá
2	Lê Thị Hồng Đào	29/5/1988	Bình Dương	Nữ	7	7	7	6	8	8	8	7	7	8	7.5	Khá
3	Thái Thị Cẩm Giang	26/3/1982	Bình Dương	Nữ	9	6	7	7	8	7.5	8	8	7	7	7.3	Khá
4	Lê Thị Ngọc Hà	3/6/1986	Bình Dương	Nữ	7	6	7	6	8	9	8	7	5	8	7.2	Khá
5	Trương Minh Hùng	12/1966	Bình Dương	Nam	8	8	7	7	8	8.5	8	8	7	8	7.8	Khá
6	Luân Nhật Huy	16/5/1990	Bình Dương	Nam	8	6	5	6	6	7	8	7	5	7	6.4	Trung bình khá
7	Nguyễn Đăng Khoa	13/7/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nam	7	8	7	8	7	8.5	8	7	6	8	7.5	Khá
8	Vũ Yên Ly	9/8/1991	Đồng Nai	Nữ	7	8	8	8	6	7.5	8	8	7	8	7.5	Khá
9	Lê Thị Thủy Ngân	19/6/1994	T.p Hồ Chí Minh	Nữ	8	8	6	7	6	10	8	8	7	7	7.4	Khá
10	Võ Thị Kim Ngân	4/3/1990	Bến Tre	Nữ	7	7	5	7	7	6	8	7	7	7	6.8	Trung bình khá
11	Hồ Thị Như Nguyệt	28/2/1978	Tiền Giang	Nữ	9	8	9	7	7	7.5	8	7	8	8	7.9	Khá
12	Nguyễn Hồng Phúc	26/4/1986	Bình Dương	Nữ	6	6	6	6	9	7	9	7	6	7	7.1	Khá
13	Nguyễn Mạnh Phúc	3/10/1993	Bình Dương	Nam	7	6	9	7	8	7.5	8	9.7	7	8	7.6	Khá
14	Đoàn Văn Quang	2/4/1983	Bình Định	Nam	9	7	5	7	9	7.5	8	8	7	7	7.4	Khá
15	Nguyễn Văn Sĩ	3/11/1988	TP. Hồ Chí Minh	Nam	7	7	5	7	6	7.5	8	7	6	8	6.9	Trung bình khá
16	Nguyễn Chí Thanh	28/6/1981	Bình Dương	Nam	8	6	6	7	9	6.5	8	9	8	8	7.5	Khá
17	Trần Minh Tiến	20/8/1989	Tây Ninh	Nam	7	8	5	7	8	8	8	8	7	7	7.4	Khá
18	Bồ Thị Thuý An	14/10/1990	Bình Dương	Nữ	8	7	7	8	7	7	7	8.5	6	7	7.1	Khá
19	Nguyễn Thị Thu Hương	22/11/1985	Bắc Ninh	Nữ	8	6.5	9	8	8	9.5	8	7	8	7	7.8	Khá
20	Nguyễn Thị Mỹ Linh	9/5/1985	Sông Bé	Nữ	7	7.5	8	8	8	9	7	9	7	7	7.7	Khá
21	Nguyễn Thị Trà My	15/12/1987	Bình Dương	Nữ	7	7	5	7	6	8.5	8	7	5	8	6.9	Trung bình khá
22	Trần Đức Thành	18/10/1980	Bắc Giang	Nam	7	8	7	6	8	9	7	9	7	7	7.6	Khá

Handwritten signature



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học

Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học Khóa 5, năm 2017 (15 tín chỉ)

(Kèm theo Quyết định số: 1657/QĐ-ĐHTDM, ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&VN	TLH ĐH ĐH	LL DH ĐH	PT CT&T C QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong DH ĐH	Kỹ năng dạy học ĐH	Năng cao chất lượng tự học	TBC	XẾP LOẠI
					1	1	3	2	2	1	2	3		
1	Võ Hoàng Nguyên	22/5/1994	Bình Dương	Nam	7	6	7	8	8	8	7	8	7.5	Khá
2	Trần Thị Ngọc Trang	16/5/1987	Bình Dương	Nữ	7	8	7	7	8	7	7	7	7.2	Khá
3	Nguyễn Anh Tuấn	24/1/1986	Bình Dương	Nam	7	7	9	8	8	8.8	7	7	7.8	Khá

Danh sách này có 03 học viên

Trong đó:

Loại Khá có 3 học viên, chiếm 100% trên tổng số

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học viên được công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học

Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học Khóa 5, năm 2017 (10 tín chỉ)

(Kèm theo Quyết định số: 1657/QĐ-ĐHTDM, ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&VN	TLH DH ĐH	LL DH ĐH	PT CT&TC QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong DH ĐH	TBC	XẾP LOẠI
1	Nguyễn Thị Lưu An	24/8/1970	Thanh Hóa	Nữ	1	1	3	2	2	1		
2	Nguyễn Khoa Trường An	18/8/1988	Bình Dương	Nữ	9	9	7	8	8	6	7.7	Khá
3	Lê Tuấn Anh	12/3/1984	Quảng Bình	Nam	9	9	8	8	8	9	8.4	Giỏi
4	Lê Thị Ngọc Anh	6/12/1986	Quảng Trị	Nam	9	7	7.5	8	9	7	8.0	Giỏi
5	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	8/11/1985	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	7	8.5	8	8	10	8.2	Giỏi
6	Nguyễn Thế Bảo	10/8/1985	Bình Thuận	Nữ	9	9	7.5	9	8	7	8.2	Giỏi
7	Nguyễn Thị Phước Bình	20/8/1973	Thanh Hóa	Nam	7	6	8	10	8	7	8.0	Giỏi
8	Lương Thy Cấn	10/10/1970	Đak Lak	Nữ	8	7	6	8	8	6	7.1	Khá
9	Dương Thị Kim Chi	1/1/1978	Đồng Tháp	Nam	8	8	7	7	8	5	7.2	Khá
10	Huỳnh Công Danh	1/1/1980	Bình Dương	Nữ	8	6	6.3	8	7	6.1	6.9	Trung bình khá
11	Phan Nguyễn Hồng Diễm	2/1/1972	Bình Dương	Nam	9	9	8	8	8	8	8.2	Giỏi
12	Ngô Thị Ngọc Diệu	28/6/1980	Nghệ An	Nữ	9	8	7	8	8	8.8	7.9	Khá
13	Lê Tiên Dũng	14/6/1975	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	7	8	7.5	9	8	8	8.0	Giỏi
14	Trần Thanh Dũng	24/2/1982	Vĩnh Long	Nam	9	7	8	7.5	7	8	7.7	Khá
				Nam	8	7	8	9	8	8	8.1	Giỏi



STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD	TLH	LL	PT	Đánh giá	Sử dụng	TBC	XẾP LOẠI
						DH TG& VN	DH DH	DH DH	CT& TC QT DT DH	giả trong GD DH	PKT & CN trong DH DH		
15	Mai Văn	Dũng	10/8/1979	Thanh Hóa	Nam	1	1	3	2	2	1		
16	Võ Minh	Duy	4/7/1988	Tp Hồ Chí Minh	Nam	8	8	8	8	8	7	7.9	Khá
17	Trần Ngọc	Duyệt	10/12/1973	Hà Tĩnh	Nam	7	7	8.5	8	8	8	8.0	Giỏi
18	Nguyễn Thị	Hà	11/3/1984	Thừa Thiên Huế	Nam	9	9	7	9.5	8	8	8.2	Giỏi
19	Nguyễn Thị Thanh	Hà	22/1/1983	Bình Dương	Nữ	7	7	8.5	8.5	8	6.9	7.9	Khá
20	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hải	5/5/1994	Bình Dương	Nam	8	7	8.5	10	8	7	8.4	Giỏi
21	Nguyễn Thị	Hằng	10/2/1993	Đắk Lắk	Nữ	7	6	7	8	8	8.5	7.5	Khá
22	Nguyễn Hữu	Hào	19/3/1981	Bắc Ninh	Nam	7	6	7	8	8	8.5	7.5	Khá
23	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/8/1977	Quảng Nam	Nữ	8	7	8	8	8	7	7.8	Khá
24	Đinh Thị	Hòa	29/2/1980	Đồng Nai	Nữ	8	9	9	9	9	7.3	8.7	Giỏi
25	Mai Thu	Hoài	20/10/1986	Bình Định	Nữ	8	7	7.5	9	8	6.5	7.8	Khá
26	Phạm Ngọc	Hoài	1/10/1987	Bình Định	Nam	8	6	6	7	7	7	6.7	Trung bình khá
27	Lưu Văn	Hoàng	2/8/1980	Nam Định	Nam	8	8	8.5	8	8	9	8.3	Giỏi
28	Nguyễn Hoàng	Huế	18/2/1985	Phú Thọ	Nam	7	8	8	7	8	7	7.6	Khá
29	Bùi Thị	Huệ	19/5/1973	Ninh Bình	Nam	9	9	7	9	8	9	8.2	Giỏi
30	Trần Thanh	Hùng	7/12/1985	Quảng Nam	Nữ	9	8	6.9	8	7	5.5	7.3	Khá
31	Hồ Đức	Hung	17/9/1991	Tp Hồ Chí Minh	Nam	7	7	8	9	9	8	8.2	Giỏi
32	Nguyễn Thị Kiều	Hương	12/12/1983	Bến Tre	Nam	6	6	9	10	8	7	8.2	Giỏi
33	Trương Thị Lan	Hương	12/8/1990	Hưng Yên	Nữ	9	8	8	8	8	9	8.2	Giỏi
34	Lê Thủy	Khanh	11/4/1985	Thừa Thiên Huế	Nữ	7	7	7	9	8	5	7.4	Khá
35	Nguyễn Thị Phương	Khanh	27/12/1975	Bến Tre	Nữ	7	8	7	9	8	7	7.7	Khá
36	Bùi Thanh	Khiết	15/7/1987	Bình Dương	Nam	7	8	6	8	8	8	7.3	Khá
						7	8	9	9	8	8	8.4	Giỏi

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&VN		TLH ĐH ĐH		LL ĐH ĐH	PT CT&TC QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong ĐH	TBC	XẾP LOẠI
						1	2	1	2	3	2	2	1		
37	Vũ Đăng	Khoa	22/1/1974	Tp Hồ Chí Minh	Nam	8	8	8	8	9	8.5	8	9	8.5	Giỏi
38	Nguyễn Văn Khoái		12/8/1959	Nghệ An	Nam	9	9	9	9	7	8	8	7	7.8	Khá
39	Hồ Hữu Kiên		14/10/1984	Nghệ An	Nam	7	7	8	8	8	8	9	6	7.9	Khá
40	Phạm Hồng Kỳ		27/4/1973	Quảng Bình	Nam	7	7	9	9	8.5	8.5	8	7	8.2	Giỏi
41	Nguyễn Thanh Kỳ		14/1/1975	Bình Định	Nam	7	7	8	8	8.5	8	9	6.5	8.1	Giỏi
42	Võ Văn Lân		17/4/1988	Sông Bé	Nam	7	7	7	7	7	10	8	7	7.8	Khá
43	Nguyễn Văn Linh		18/5/1978	Nghệ An	Nam	9	9	8	8	9	8	9	6	8.4	Giỏi
44	Lê Thị Thanh Loan		20/2/1982	Quảng Bình	Nữ	7	7	8	8	9	9	8	7.6	8.4	Giỏi
45	Huỳnh Hoa Kim Long		22/11/1971	Đồng Tháp	Nam	7	7	8	8	7.5	7.5	7	8	7.5	Khá
46	Nguyễn Vương Thành Long		7/5/1985	Bình Dương	Nam	7	7	8	8	8	7.5	8	8	7.8	Khá
47	Võ Quốc Lương		10/2/1982	Hà Tĩnh	Nam	7	7	6	6	8.5	10	8	7.4	8.2	Giỏi
48	Đoàn Thị Diễm Ly		1/1/1988	Bình Dương	Nữ	7	7	7	7	8	8.5	8	9	8.0	Giỏi
49	Phan Thị Lý		12/10/1985	Hà Tĩnh	Nữ	7	7	7	7	8	9.5	9	10	8.5	Giỏi
50	Nguyễn Thị Mai		2/9/1981	Bình Phước	Nữ	9	9	7	7	9	7	8	7	8.0	Giỏi
51	Nguyễn Hoàng Như Mai		4/3/1991	Bình Dương	Nữ	8	8	7	7	7	8	7	7	7.3	Khá
52	Ngô Hồng Minh		30/3/1983	Bến Tre	Nữ	8	8	7	7	7.5	8.5	9	8.8	8.1	Giỏi
53	Phạm Nguyễn Nhật Minh		16/9/1989	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	8	8	7	7	6	8	8	8	7.3	Khá
54	Vũ Hải Thiên Nga		19/2/1979	Nam Định	Nữ	9	9	7	7	9	7.5	7	7	7.9	Khá
55	Đỗ Thị Nga		19/10/1979	Bình Phước	Nữ	9	9	5	5	5.6	8	8	6.6	6.9	Trung bình khá
56	Nguyễn Thị Kim Ngân		8/1/1983	Bình Dương	Nữ	9	9	8	8	7	7	8	8	7.6	Khá
57	Nguyễn Thụy Hồng Ngân		8/10/1987	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	9	9	8	8	8	7.5	8	7	7.9	Khá
58	Nguyễn Thị Mộng Ngọc		3/3/1984	Bình Dương	Nữ	8	8	9	9	8	8	8	5	7.8	Khá

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD	TLH	LL	PT	Đánh giá	Sử dụng	TBC	XẾP LOẠI
						ĐH TG& VN	ĐH	ĐH	ĐH	CT& TC QT DT DH	trong GD DH	trong DH DH	
59	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	17/9/1982	Quảng Ngãi	Nữ	1	1	3	2	2	1		
60	Lê Thị Kim	Oanh	20/8/1976	Thái Bình	Nữ	7	7	7	9.5	8	8	7.8	Khá
61	Ngô Lê Hồng	Phúc	15/8/1981	Đà Nẵng	Nữ	8	7	8	9	8	9	8.2	Giỏi
62	Phạm Tân	Phước	23/1/1985	Bình Dương	Nam	8	8	8	9.5	8	9	8.4	Giỏi
63	Trần Hành Minh	Phuong	22/12/1973	Tp Hồ Chí Minh	Nữ	8	7	9	8	8	7	8.1	Giỏi
64	Văn Hoàng	Phuong	16/10/1989	Bình Dương	Nam	8	7	8.5	7	9	8	8.1	Giỏi
65	Nguyễn Thị Hoài	Phuong	4/4/1977	Phú Yên	Nữ	8	7	5.9	8	8	6	7.1	Khá
66	Nguyễn Cao Hoài	Phuong	18/7/1990	Bình Dương	Nam	6	8	8	7	7	8.1	7.4	Khá
67	Nguyễn Hồng	Quỳnh	2/7/1989	Bình Dương	Nữ	8	8	8.5	8.5	8	9	8.4	Giỏi
68	Phạm Thúc	Son	19/7/1980	Thanh Hóa	Nam	9	7	8	9	8	5	7.9	Khá
69	Ngô	Sỹ	12/12/1975	Đồng Nai	Nam	7	7	8	8.5	9	7	8.0	Giỏi
70	Đỗ Thị Ngọc	Tam	26/7/1985	Bình Dương	Nữ	9	7	8	8.5	8	8	8.1	Giỏi
71	Nguyễn Văn	Thái	20/10/1988	Bình Dương	Nam	7	7	8.5	8	8	7	7.9	Khá
72	Nguyễn Ngọc	Thân	1974	Đồng Tháp	Nam	9	8	7.5	9.5	8	8	8.3	Giỏi
73	Nguyễn Văn	Thăng	20/10/1977	Ninh Bình	Nam	9	6.7	8	8	8	7	7.9	Khá
74	Đỗ Quang	Thăng	2/8/1979	Nam Định	Nam	8	7	7.6	8.5	8	8	7.9	Khá
75	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	1/11/1982	Bình Dương	Nữ	8	8	7	6	8	7	7.2	Khá
76	Trịnh Phước	Thành	28/10/1966	Bình Dương	Nam	7	8	8	8.5	8	7	7.9	Khá
77	Nguyễn Đình	Thọ	20/10/1985	Thanh Hóa	Nam	8	8	8	9	8	7.6	8.2	Giỏi
78	Cao Xuân	Thọ	22/6/1970	Bình Dương	Nam	8	8	7.3	8	6.3	8	7.5	Khá
79	Nguyễn Thị	Thu	2/3/1984	Quảng Bình	Nữ	8	8	8.5	7	8	8	8.0	Giỏi
80	Nguyễn Thị	Thủy	1/1/1982	Thừa Thiên Huế	Nữ	8	7	9	10	8	7.5	8.6	Giỏi

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG&VN	TLH ĐH ĐH	LL ĐH ĐH	PT CT&TC QTĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong ĐH	TBC	XẾP LOẠI
						1	1	3	2	2	1		
81	Nguyễn Văn	Thủy	14/7/1960	Bình Dương	Nam	8	8	8	8	8	5.5	7.8	Khá
82	Huỳnh Thị Anh	Thy	9/4/1985	Bình Dương	Nữ	7	8	8.5	8	7	7	7.8	Khá
83	Trần Minh	Tiến	10/7/1984	Tiền Giang	Nam	8	7	6.3	7.5	8	5	7.0	Khá
84	Dương Lê Trọng	Tín	21/6/1989	Bình Dương	Nam	7	7	7	7	8	9	7.4	Khá
85	Thủy Châu	Tờ	25/3/1979	Quảng Nam	Nam	7	8	6	7	8	8	7.1	Khá
86	Nguyễn Phương	Trà	30/4/1981	Bình Dương	Nam	7	7	7	8.5	9	9	7.9	Khá
87	Nguyễn Vũ Vân	Trang	23/3/1983	Tiền Giang	Nữ	8	7	7	8	8	6.5	7.5	Khá
88	Võ Việt	Trí	5/5/1966	Quảng Nam	Nam	8	8	9	7	7	8	7.9	Khá
89	Phan Văn	Trung	17/8/1984	Nghệ An	Nam	8	8	8	8.5	8	8	8.1	Giỏi
90	Phan Nhân	Trung	5/8/1992	Bình Dương	Nam	7	7	6	8.5	7	7	7.0	Khá
91	Nguyễn Thanh	Tùng	30/12/1969	Kiên Giang	Nam	7	8	7	8.5	8	6.8	7.6	Khá
92	Lưu Thành	Tư	15/11/1968	Bình Dương	Nam	8	7	6	7.5	8	8	7.2	Khá
93	Dương Thị Anh	Tuyết	8/1/1985	Sông Bé	Nữ	7	7	5.6	7.5	8	8.5	7.0	Khá
94	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/5/1964	Bình Dương	Nữ	9	8	8	9	8	8.4	8.3	Giỏi
95	Nguyễn Xuân	Tý	20/12/1985	Hà Tĩnh	Nam	7	7	7.5	7.5	7	8	7.4	Khá
96	Nguyễn Thị	Vinh	24/3/1986	Bình Dương	Nữ	8	8	9	9	8	7	8.4	Giỏi
97	Nguyễn Hữu	Vĩnh	3/9/1975	Hậu Giang	Nam	7	6	8	10	8	8.9	8.2	Giỏi
98	Bùi Sỹ	Vương	1/4/1987	Đắk Lắk	Nam	8	7.5	8	7	8	8	7.8	Khá
99	Lê Thị Hồng	Xuân	4/2/1979	Hà Nội	Nữ	9	5	7	8	8	6	7.3	Khá
100	Đỗ Thị Thanh	Xuân	7/4/1980	Bình Dương	Nữ	8	8	6.2	8	8	8	7.5	Khá
101	Đinh Thị	Yên	18/5/1982	Quảng Bình	Nữ	7	8	6.5	8	8	8	7.5	Khá
102	Đinh Thị	Hoa	25/3/1970	Phú Thọ	Nữ	8	8	9	10	8.5	7.5	8.8	Giỏi



AD

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	GD ĐH TG& VN	TLH ĐH ĐH	LL ĐH ĐH	PT CT& TC QT ĐT ĐH	Đánh giá trong GD ĐH	Sử dụng PTKT &CN trong ĐH ĐH	TBC	XẾP LOẠI
						1	1	3	2	2	1		
103	Trình Ngọc	Hoàng	20/1/1986	Bình Dương	Nam	8	6	7.5	6	7	8	7.1	Khá
104	Nguyễn Đức	Lộc	20/11/1979	Đồng Nai	Nam	8	9	8	8.5	8	7	8.1	Giỏi
105	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	26/4/1985	Quảng Bình	Nữ	7	7	7	6	8	8	7.1	Khá
106	Vũ Anh	Tài	2/10/1977	Đồng Nai	Nam	7	6	7.8	6	7.5	5	6.8	Trung bình khá
107	Phạm Văn	Thịnh	2/6/1968	Phú Thọ	Nam	8	8	7	7	8	8	7.5	Khá
108	Trần Thị Lệ	Thủy	22/7/1984	Đồng Nai	Nữ	7	6	8	9	7.5	7.5	7.8	Khá
109	Nguyễn Thanh	Lâm	9/4/1986	Bình Dương	Nam	7	6	7	6	7	9	6.9	Trung bình khá
110	Lê Công	Huân	23/10/1966	Bắc Ninh	Nam	7	6	7	7	8	5	6.9	Trung bình khá

Danh sách này có 110 học viên.

Trong đó:

Loại Giỏi có 46 học viên, chiếm 42 % trên tổng số

Loại Khá có 58 học viên, chiếm 53% trên tổng số

Loại TB-Khá có 6 học viên, chiếm 5% trên tổng số.